

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-7-2021

V/v Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Quyết.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Vân.

2. Ông Lò Văn Thôn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quang Hùng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2021, về việc: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đèo Thị T, sinh năm 1994, địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn P, sinh năm 1991, địa chỉ: Bản H, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa. (Vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đăng B và bà Nguyễn Thị T, trú tại: Bản H, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01 tháng 3 năm 2021 và bản tự khai cũng như trong quá trình tố tụng chị Đèo Thị T trình bày:

Chị và anh Lò Văn P kết hôn vào ngày 24/7/2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn,

cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Sự việc đã được hai bên gia đình góp ý, khuyên giải nhưng không thành. Anh P có tính vũ phu đã gây thương tích cho chị và bị Toà án xét xử. Nay anh P đang phải chấp hành án tại tỉnh Thanh Hóa. Chị xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh P.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu: Lò Thị Vy O, sinh 06/02/2015 và Lò Thị Lê L, sinh ngày 10/01/2017. Chị xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 cháu và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không đề nghị tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn: Anh Lò Văn P hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Thanh Cẩm, tỉnh Thanh Hóa. Tòa án đã đến trại giam Thanh Cẩm nơi anh P đang chấp hành án để hướng dẫn anh P viết bản tự khai và giao các văn bản tố tụng cho anh P. Theo bản khai thì anh P cũng đồng ý ly hôn chị T; về con chung anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung vì hiện nay các con đang sinh sống cùng anh tại nhà với bố mẹ anh; về cấp dưỡng đề nghị giải quyết theo pháp luật; về tài sản chung vợ chồng không có; về nợ chung thì có khoản nợ 6.000.000 đồng, nợ bà Nguyễn Thị T ở Bản H, xã C, huyện Sông Mã, đó là khoản nợ từ tháng 5/2015 do mua phân bón và giống cây trồng.

Tại phiên Toà, chị Đào Thị T vẫn giữ nguyên quan điểm, đề nghị Toà án giải quyết ly hôn.

Tóm tắt phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký tòa án; việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 48, 177, khoản 2 Điều 191, khoản 1 Điều 195, khoản 2 Điều 196, khoản 1 Điều 203, khoản 1 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về hướng giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Lò Văn P.

- Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận để chị T trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu là Lò Thị Vy O, sinh 06/02/2015 và Lò Thị Lê L, sinh ngày 10/01/2017, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con; anh P có quyền đi lại, thăm nom con chung chị T không được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Chị T và anh P có khoản nợ chung là nợ vợ chồng ông Nguyễn Đăng B và bà Nguyễn Thị T, nhưng do ông bà B - T chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Chị Đào Thị T phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn anh Lò Văn P cư trú tại Bản H, xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sông Mã thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Anh Lò Văn P đã được tòa án trực tiếp đến trại giam Thanh Cẩm, tỉnh Thanh Hóa hướng dẫn viết bản tự khai theo đúng quy định; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đăng B, bà Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T kết hôn với anh Lò Văn P trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét và đánh giá tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thấy rằng: Trong thời gian chung sống chị T và anh P sống không hạnh phúc, cuộc sống luôn bất hoà do tính tình không hợp, dẫn đến thường xuyên cãi vã. Anh P có tính gia trưởng, vũ phu đánh đập chị T nhiều lần, dẫn đến bị khởi tố, xét xử về tội cố ý gây thương tích.

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình xác định mâu thuẫn của chị T và anh P đã quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh P là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T được ly hôn anh P.

[4] Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung là các cháu Lò Thị Vy O và Lò Thị Lê L. Do anh P đang phải chấp hành án nên cần chấp nhận nguyện vọng của chị T, cần giao các cháu Lò Thị Vy O, Lò Thị Lê L cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, và điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không có điều kiện và chị T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận đều không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[7] Về nợ chung: Xác định được chị T và anh P có nợ vợ chồng ông bà Nguyễn Thị T - Nguyễn Đăng B số tiền là 14.120.000 đồng (mười bốn triệu một trăm hai mươi nghìn), có giấy xác nhận nợ của vợ chồng T P. Tuy nhiên, ông bà B - T chưa yêu cầu trả nợ (có đơn chưa yêu cầu kèm theo), nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi ông bà B - T có yêu cầu sẽ giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Chị Đào Thị T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 271, 273 277 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19 khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 56; Điều 58 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T, xử cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Lò Văn P.

2. Về con chung: Giao các con Lò Thị Vy O, sinh 06/02/2015 và Lò Thị Lê L, sinh ngày 10/01/2017 cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Lò Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không được ai cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không đặt vấn đề giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Đèo Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0001595, ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Đèo Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 02/7/2021. Anh Lò Văn P và ông bà Nguyễn Thị T, Nguyễn Đăng B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát;
- THADS;
- Các đ-ơng sự;
- UBND xã C.
- L- u hồ sơ;
- L- u VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Quyết

